

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ƯỚC
QUẢN LÝ, BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG
DỰA VÀO LUẬT TỤC LÀNG VI Ô LẮC
Làng Vi Ô Lắc xã Pờ Ê, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum



Violak ngày 22 tháng 3 năm 2015

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ƯỚC
QUẢN LÝ, BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG
DỰA VÀO LUẬT TỤC LÀNG VI Ô LẮC
Làng Vi Ô Lắc xã Pờ Ê, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum

CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Đất đai năm 2013
- Luật Bảo vệ và Phát triển rừng năm 2004 (Quốc hội khoá XI kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 03/12/2004);
- Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20 tháng 4 năm 2007 về Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 11;
- Nghị định số 23/2006/NĐ- CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng;
- Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg ngày 14/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý rừng;
- Thông tư liên tịch số 03/2000/TTLT- BTP- BVHTT- UBMTTQ ngày 31/3/2000 về việc hướng dẫn và thực hiện hương ước, quy ước của làng, bản, thôn, ấp, cụm dân cư
- Thông tư số 70/2007TT-BNN ngày 01/8/2007 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc xây dựng và tổ chức thực hiện quy ước bảo vệ và phát triển rừng cộng đồng dân cư thôn.
- Luật tục truyền thống và kinh nghiệm quản lý, bảo vệ đất, rừng của cộng đồng làng Vi Ô Lắc, xã Pờ Ê;
- Nội dung các cuộc họp dân làng Vi Ô Lắc được biểu quyết thống nhất lần cuối vào ngày 22 tháng 3 năm 2015.

Toàn thể các hộ gia đình và người dân Làng Vi Ô Lắc, xã Pờ Ê nhất trí bản Quy ước cộng đồng về quản lý, bảo vệ, sử dụng và phát triển rừng gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG 1

GIỚI THIỆU CHUNG

I. Giới thiệu Làng Vi Ô Lắc và không gian sinh sống truyền thống

1. Giới thiệu làng Vi Ô Lắc

Làng Vi Ô Lắc nằm ở phía đông của xã Pờ Ê, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum.

- Phía Bắc giáp tỉnh Quảng Ngãi
 - Phía Đông giáp tỉnh Quảng Ngãi
 - Phía Nam giáp làng Vi K'Tau của xã Pờ Ê
 - Phía Tây giáp làng Vi K'Oa của xã Pờ Ê
- Đến tháng 2/2015, làng Vi Ô Lắc có 72 hộ, 261 khẩu.
Toàn bộ là người dân tộc Hrê

2. Không gian sinh sống truyền thống của làng Vi Ô Lắc

Không gian sinh sống truyền thống của làng Vi Ô Lắc là vùng rộng lớn từ Vang Y Phu ở phía bắc đến Vang Ka La, Vang Hạ Rô ở phía nam

- Ranh giới phía đông trước đây bao gồm cả đèo Violak thuộc dãy núi Vang A Xeng và Vang Ka Là
- Ranh giới phía Nam của làng phân chia với làng Vi K'Tàu là suối K'Tàu;
- Ranh giới phía tây của làng Violak phân chia với làng Vi K'Tàu và làng Vi K'Oa là dãy núi Vang Hạ Rô - cầu treo qua suối Pờ Ê (gần làng Vi K'Oa) và theo dãy núi phía đông thượng nguồn suối Pờ Ê lên đỉnh Vang Y Phu;
- Ranh giới phía bắc và đông bắc là đông núi của dãy Vang Y Phu, Vang Ha Lênh.

Bao bọc xung quanh làng là hệ thống các dãy núi cao như Vang Y Phu, Vang Hạ Lênh (phía bắc), Vang Pa Rô, Vang Gờ Hoàng (phía đông), Vang Ka La, Vang Trích (phía nam), Vang Hạ Rô (phía tây nam). Trong đó dãy núi Vang Y Phu và Vang Ha Lênh có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về đời sống vật chất và tinh thần

đối với cộng đồng người H'rê làng Vi Ô Lắc. Đây là đỉnh núi cao nhất (1155m), nơi bắt nguồn của nhiều hệ thống suối: suối Nước Nong, suối Pờ Ê ở phía nam; suối Đăk Xe rong, nhánh suối Nước Nong lớn ở phía bắc.

Mặc dù hiện tại các dãy núi Vang Y Phu, Vang Ha Lênh, Vang Pa Rô, Vang Ga Hoang(TK 434) do Ban quản lý Rừng phòng hộ Thạch Nham quản lý, nhưng cộng đồng người H'rê làng Vi Ô Lắc cũng vẫn tự nguyện quản lý, bảo vệ và sử dụng theo các luật tục truyền thống của mình.

II. Mục tiêu quản lý, bảo vệ, sử dụng và phát triển Đất, Rừng của Bản Quy ước làng Vi Ô Lắc

Đất và rừng của Làng Vi Ô Lắc được quản lý, bảo vệ, sử dụng và phát triển nhằm duy trì bản sắc văn hóa dân tộc H'rê. Đảm bảo cung cấp nước sản xuất và sinh hoạt, đảm bảo môi trường, môi sinh, an toàn cuộc sống. Phù hợp với các chính sách, chủ trương của Nhà nước.

CHƯƠNG 2

CÁC VÙNG SỬ DỤNG ĐẤT DỰA VÀO HỆ SINH THÁI VÀ PHONG TỤC VĂN HÓA CỦA NGƯỜI H'RE LÀNG VI Ô LẮC

I. Vùng rừng thiêng

1. Là những khu rừng để người H'rê làng Vi Ô Lắc duy trì các phong tục tốt đẹp của mình như cúng Zàng Loang (Thần Cây), Zàng Vang (Thần Rừng) Zàng Trech (Thần Nước) và các Zàng khác, đồng thời bảo vệ nguồn nước và bảo vệ môi trường theo phong tục truyền thống của Làng Vi Ô Lắc từ xưa tới nay.
2. Quy ước vùng rừng thiêng gồm:
 - Vang Y Phu thuộc khoảnh 4, khoảnh 6 - TK 434
 - Vang Ha Lênh thuộc khoảnh 9 – TK 434
 - Rừng nghĩa địa thuộc vùng Vang Ha Lênh, Vùng Vi Ô Lắc cũ.

II. Vùng rừng bảo vệ nguồn nước

1. Là các vùng rừng được phép quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật, kết hợp với phòng hộ, bảo vệ nguồn nước góp phần bảo vệ môi trường;
2. Quy ước vùng rừng bảo vệ nguồn nước gồm:
 - Vang Ka La thuộc khoảnh 1, khoảnh 2 TK 439.
 - Vang Tech Đơn thuộc Khoảnh 11 – TK 434

- Vang Pa Rố thuộc khoảnh 10 – TK 434
- Vang Ga Hoang thuộc khoảnh 14 – TK 434
- Vang Hạ Rô thuộc khoảnh 7, khoảnh 8, khoảnh 9 thuộc TK 437

III. Vùng sản xuất Nông – Lâm nghiệp

1. Là các vùng đất trống được phép trồng các loại cây nông nghiệp, lâm nghiệp; đặc biệt là giàu hóa rừng bằng phương pháp trồng xen các loại cây bản địa tại chỗ;
2. Vùng đất sản xuất nông lâm nghiệp là Vang Trối thuộc khoảnh 6 - TK 37 và các nơi ven suối thuộc rừng bảo vệ khoảnh nuôi tái sinh và trồng thêm cây bản địa tại chỗ như Loang Prao (Chò Chi)- Loang Ka Xà(Dẻ) là những Cây Thiêng và hạt của 5 cây thiêng khác ở Làng Vi Ô Lắc.

IV. Vùng chuyên canh tác lúa

1. Là vùng đất làng quy ước là vùng canh tác giống lúa địa phương thích hợp với khí hậu, đất đai và thời tiết của Làng;
2. Vùng canh tác lúa được quy định các vùng sau:
 - a. Vùng Vi Nong dưới chân vang Ha Lênh và Vang Y Phu
 - b. Vùng Vi Ô Lắc cũ
 - c. Vùng Vang Hạ Rô.

IV. Vùng chăn thả gia súc

1. Là các vùng được làng quy định để chăn thả các loại gia súc (Trâu, bò, dê);
2. Vùng chăn thả cố định được quy ước tại vùng đất bằng dưới chân núi thuộc Vang Y phu;
3. Vùng chăn thả không cố định là các vùng canh tác ruộng lúa sau khi thu hoạch (từ tháng 8) đến khi gieo mạ(tháng 3 năm sau) để tận dụng nguồn phân thải tại chỗ của Trâu và Bò trong thời gian đất nghỉ, tận dụng nguồn hữu cơ cho vụ lúa sang năm.

V. Hệ thống khe, suối

1. Hệ thống khe, suối có trong vùng đất của làng Vi Ô Lắc là nguồn cung cấp nước tưới cho cây trồng, cung cấp nước cho sinh hoạt, đồng thời cung cấp nguồn thực phẩm cá, cua, ốc, tép, lươn, tôm... dùng làm thức ăn hàng năm cho nhân dân H'ê Làng Vi Ô Lắc;
2. Hệ thống khe suối gồm:
 1. Hệ suối Teak Nong;
 2. Hệ suối Pờ Ê.

CHƯƠNG 3

NHỮNG VIỆC ĐƯỢC LÀM

I. Đối với rừng thiêng

1. Được vào rừng thu hái các loại lá thiêng theo qui định thu hái truyền thống của làng là dùng tay hái về để phục vụ cho mục đích cúng Zàng;
2. Được thu hái lá cây Plo theo phong tục truyền thống để dùng làm men rượu sử dụng trong các nghi lễ của làng theo qui định hái nhẹ nhàng, không gây xây xước thân cây, và không được làm tổn thương tới cây, không được gây nên gãy cành và chết cây.

II. Đối với các khu rừng khác, đất ruộng, khe suối

1. Được vào rừng lấy củi khô, thu hái các loại sản phẩm từ rừng như măng, tre, nấm, men lá ủ rượu, thuốc nam và các loại rau rừng truyền thống chế biến thức ăn phục vụ cho sinh kế hàng ngày của cả làng;
2. Được lấy các cây nhỏ làm hàng rào, chuồng trại theo phong cách truyền thống, có thông báo với Lãnh đạo Làng và Tổ bảo vệ Rừng;
3. Được khai thác gỗ làm nhà theo phong tục truyền thống của Làng Vi Ô Lắc và không trái với pháp luật của Nhà nước;
4. Trồng thêm các loại bản địa quý hiếm hiện đang tồn tại trong các Vang rừng làng Violak để làm giàu rừng;
5. Được thu hoạch các thủy sản trong lưu vực làng Vi Ô Lắc theo phương thức và văn hóa truyền thống của làng Vi Ô Lắc.

CHƯƠNG 4

NHỮNG VIỆC KHÔNG ĐƯỢC LÀM

I. Đối với rừng đầu nguồn, rừng thiêng

1. Nghiêm cấm mọi hành vi khai thác, chặt phá rừng, thu hái sản phẩm rừng.
2. Nghiêm cấm đốt nương làm rẫy.
3. Nghiêm cấm săn bắn thú rừng dưới mọi hình thức.
4. Tất cả mọi người nghiêm chỉnh chấp hành các biện pháp phòng chống cháy rừng.

*** Xử phạt đối với Rừng Thiêng**

1. Nếu người trong làng vi phạm lần thứ nhất thì được Tổ quản lý và già làng nhắc nhở. Nếu vi phạm lần thứ hai thì phạt 1 ghè rượu và một con gà đẻ già làng cúng Zàng, vi phạm lần thứ ba trở đi thì phạt 1 ghè rượu và một con lợn 10kg đẻ già làng cúng Zàng. Ngoài ra người vi phạm cũng bị phạt theo quy định của pháp luật;
2. Nếu người ngoài làng vi phạm thì lần thứ nhất phạt số tiền tương đương một ghè rượu và con lợn 50kg để cúng Zàng, đồng thời tịch thu dụng cụ, sản phẩm và .Nếu vi phạm lần thứ hai trở đi thì phạt gấp đôi lần thứ nhất để cúng Zàng, đồng thời tịch thu dụng cụ, sản phẩm và giao cho các cấp thẩm quyền giải quyết;
3. Nếu ai làm cháy rừng thì chịu trách nhiệm bồi hoàn theo giá trị thực tế và đề nghị cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

II. Đối với vùng rừng bảo vệ nguồn nước truyền thống và rừng khoanh nuôi tái sinh

1. Cấm đốt rừng làm nương rẫy
2. Nghiêm cấm khai thác các loại gỗ đem bán khi chưa được phép;
3. Nghiêm cấm săn bắt thú rừng dưới mọi hình thức;
4. Cấm người ngoài bản vào khai thác, sử dụng;
5. Tất cả mọi người nghiêm chỉnh chấp hành các quy định về phòng chống cháy rừng.

6. Cấm chăn thả trâu, bò tại những vùng mới trồng rừng bổ sung khi rừng chưa khép tán

*** Quy định xử phạt đối với rừng bảo vệ nguồn nước truyền thống, và rừng khoanh nuôi tái sinh**

1. Nếu người trong làng vi phạm lần thứ nhất thì nhắc nhở, lần thứ hai phạt 1 ghè rượu và một con gà để già làng cúng Zàng, vi phạm lần thứ ba trở đi thì phạt 1 ghè rượu và một con lợn 10kg để già làng cúng Zàng. Ngoài ra người vi phạm cũng bị phạt theo quy định của pháp luật
2. Nếu người ngoài làng vi phạm thì lần thứ nhất phạt số tiền tương đương một ghè rượu và con lợn 50kg để cúng Zàng, đồng thời tịch thu dụng cụ, sản phẩm và thông báo cho cấp có thẩm quyền giải quyết. Nếu vi phạm lần thứ hai trở đi thì phạt gấp đôi lần thứ nhất để cúng Zàng, đồng thời tịch thu dụng cụ, sản phẩm và giao cho các cấp thẩm quyền giải quyết.
3. Nếu ai làm cháy rừng thì chịu trách nhiệm bồi hoàn theo giá trị thực tế và đề nghị cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật

III. Vùng chăn nuôi

1. Cấm người bên ngoài mang gia súc vào chăn thả và cấm khai thác gỗ thu hái các sản phẩm phi gỗ;
2. Cấm làm bẫy và săn bắn trong vùng rừng chăn nuôi;
3. Cấm làm hại đến gia súc trong vùng.

*** Quy định xử phạt đối với Khu Chăn nuôi**

1. Nếu ai làm chết gia súc thì phải bồi thường gấp đôi giá trị gia súc đó cho người bị hại;
2. Nếu ai làm bị thương gia súc thì phải bồi thường toàn bộ tiền thuốc men, tiền công chạy chữa của gia đình và cán bộ thú y.

IV. Vùng sản xuất nông - lâm nghiệp

1. Người ngoài Làng Vi Ô Lắc không được phép vào sản xuất, canh tác trong vùng đất của Làng Vi Ô Lắc;
2. Không được chăn thả gia súc trong khu mới trồng cây hoa màu;

3. Không được sử dụng thuốc diệt cỏ làm tổn hại đến môi trường
4. Không được sử dụng các loại giống mới gây hủy diệt môi trường và hủy hoại đất, gây cạnh tranh lấn át và ảnh hưởng đến tập đoàn cây bản địa quý hiếm của vùng Violak.

V. Đất ruộng và hệ thống khe suối

1. Không được sử dụng thuốc diệt cỏ làm tổn hại đến môi trường sống
2. Không sử dụng hóa chất, xung điện để tận diệt thủy sản; môi trường
3. Không được khai thác quá mức chịu đựng của các loài thủy vực đa dạng sinh học xung quanh hệ thống khe suối của Vùng Vi Ô Lắc.

VI. Quy định riêng về vùng Vang Hạ Rô

1. Vùng đất, rừng Vang Hạ Rô là tài sản chung của cộng đồng làng Vi Ô Lắc;
2. Không được chuyển nhượng, thế chấp, tặng, cho;
3. Mọi thành viên có trách nhiệm làm giàu vốn rừng bằng phục hồi cây bản địa trên cơ sở thu hái hạt giống bản địa và xây dựng các vườn ươm tại các cụm hộ gia đình theo mùa rụng hạt trong rừng;
4. Nếu ai vi phạm thì bị xử lý theo Luật Làng và Quyết định của Hội đồng già làng;

CHƯƠNG 5

TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA TỔ QUẢN LÝ, BẢO VỆ ĐẤT, RỪNG CỘNG ĐỒNG VÀ CÁC THÀNH VIÊN TRONG CỘNG ĐỒNG

I. Thành lập Tổ quản lý, bảo vệ đất, rừng cộng đồng

1. Ban quản lý rừng cộng đồng được dân làng Vi Ô Lắc bầu ra gồm 9 thành viên. Hàng năm toàn Làng Vi Ô Lắc và Hội đồng Già làng đánh giá Ban quản lý và được bổ sung hoặc thay đổi thành viên Ban quản lý theo chu kỳ 1 năm hoặc 2 năm tùy từng hoàn cảnh cụ thể của các thành viên trong Ban quản lý;
2. Trong trường hợp đặc biệt Ban quản lý có thể được bầu bổ sung hoặc bầu lại khi không được cộng đồng chấp nhận.

Thành phần Ban quản lý rừng cộng đồng:

1. Bí thư chi bộ thôn
2. Trưởng thôn
3. Trưởng ban công tác Mặt trận.
4. Già làng 2 người.
5. Chi Đoàn thanh niên.

6. Chi Hội phụ nữ.
7. Hội Cựu chiến binh.
8. Công an viên.
9. Thôn đội trưởng

II. Chức năng và quyền hạn của Tổ quản lý, bảo vệ đất, rừng cộng đồng

1. Là đại diện của cộng đồng để trao đổi và thương thảo với các đối tác, cơ quan, các tổ chức, cá nhân khác liên quan đến công tác quản lý, bảo vệ đất, rừng;
2. Phối kết hợp với BQL rừng phòng hộ Thạch Nham, xã Pờ Ê trong quản lý, bảo vệ rừng
3. Quyết định các vấn đề của Làng Vi Ô Lắc liên quan đến việc quản lý đất, rừng
4. Tổ chức lập và thực hiện kế hoạch quản lý rừng cộng đồng 5 năm và hàng năm;
5. Tổ chức phổ biến và thực hiện quy ước bảo vệ và phát triển rừng;
6. Tổ chức và phân công các nhóm, các cá nhân tuần tra quản lý, bảo vệ rừng kiểm tra công tác phòng chống cháy rừng
7. Tổ chức lựa chọn nam nữ thanh niên trong làng Vi Ô Lắc và những làng lân cận thu hái các giống bản địa theo mùa vụ để xây dựng các vườn ươm ở các bìa rừng thuộc Vang Ha Rô đang được bảo vệ tự nguyện bởi cộng đồng để trồng xen vào các cánh rừng để làm giàu rừng cây bản địa, làm nơi chia sẻ cho các làng xung quanh xã Pơ Ê học tập
8. Tổ chức hình thành các vườn ươm cho toàn bộ các cụm hộ gia đình trong làng để ươm những giống cây di thực từ rừng như cây làm men rượu, cây hòa giải, các loại rau rừng để xây dựng vườn rau dinh dưỡng ngay tại từng hộ gia đình;
9. Phát động phong trào thanh thiếu niên đi vào rừng nhặt quả rụng theo mùa về làng để thực hành ươm cây thi đua tại các vườn nhà của từng hộ và xung quanh vùng Cây Thiêng trong làng;
10. Tổ chức xây dựng quỹ giống lúa bản địa (11 loại giống lúa bản địa) và 43 loại rau rừng tại Làng Vi Ô Lắc trở thành thư viện sống về 11 giống lúa và 43 loại rau rừng kèm bộ ảnh, hồ sơ tên địa phương, tên khoa học và tên phổ thông của các loại giống, nghi lễ và qui trình cất giữ giống bằng tài liệu, ảnh, phim và giáo trình để chia sẻ với các làng khác và với các cơ quan nghiên cứu tập đoàn giống cây quý hiếm ở địa phương;
11. Xử lý vi phạm quy ước, các vụ vi phạm lớn vượt ngoài phạm vi quy ước chuyển lên UBND xã giải quyết;
12. Yêu cầu người vi phạm phải đền bù theo quy ước;
13. Tổ chức cuộc họp định kỳ 1 tháng 1 lần hoặc đột xuất để đánh giá tình hình hoạt động của Tổ, phê bình, kiểm điểm những đối tượng, gia đình vi phạm hương ước của Làng.

III. Trách nhiệm và quyền hạn của người dân

1. Tham gia vào các hoạt động quản lý đất, rừng cộng đồng và thực hiện theo sự phân công của Tổ quản lý đất, rừng cộng đồng;
2. Thực hiện tốt công tác phòng chống cháy rừng
3. Tham gia vào các tổ tuần tra bảo vệ rừng, tuần tra phòng chống cháy rừng;
4. Ngăn chặn và báo cho Tổ quản lý, bảo vệ đất, rừng cộng đồng khi có người mang phương tiện săn bắt và khai thác lâm sản vào rừng cộng đồng;
5. Khi phát hiện người vi phạm quy ước thì giữ tang vật và người vi phạm, và báo cho Tổ quản lý rừng cộng đồng để lập biên bản.

CHƯƠNG 6

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ PHẠT

I. Khen thưởng

1. Những hộ làm tốt việc quản lý bảo vệ rừng được cộng đồng khen thưởng. Mức khen thưởng do cộng đồng quyết định;
2. Hộ gia đình thực hiện tốt công tác bảo vệ rừng và quy ước của Làng, ngoài sự biểu dương của Làng, còn được đề nghị Nhà nước khen thưởng thành tích, được ưu tiên giải quyết các nhu cầu về gỗ và lâm sản để phục vụ cho nhu cầu sửa sang nhà, chuồng trâu, kho thóc và nhu cầu lập gia đình mới khi đến tuổi trưởng thành.

II. Xử lý vi phạm

1. Hộ gia đình, cá nhân vi phạm Quy ước, bị xử lý theo các quy định của Hội đồng già làng và Tổ quản lý, bảo vệ đất, rừng của làng Vi Ô Lã; Nếu nghiêm trọng thì xử theo quy định của pháp luật
2. Vi phạm săn bắt động vật rừng: Tịch thu tang vật (thú, dụng cụ săn bắt) và chuyển lên UBND xã và kiểm lâm để xử lý;
3. Vi phạm làm cháy rừng: Nếu làm cháy rừng trồng số lượng ít thì phải trồng lại, nếu số lượng nhiều thì chuyển lên xã xử lý theo pháp luật;
4. Nếu để gia súc phá hoại cây trồng thì thương thảo và bồi thường thỏa đáng trong cộng đồng;
5. Kiểm điểm trước dân. Nếu vi phạm nhiều lần, hoặc tái phạm thì Hội đồng già làng xem xét có thể không cho tham gia vào các hoạt động truyền thống của Làng.

CHƯƠNG 7

QUỸ QUẢN LÝ, PHÁT TRIỂN RỪNG CÔNG ĐỒNG LÀNG VI Ô LẮC

I. Mục đích gây Quỹ phát triển rừng cộng đồng

Quỹ nhằm mục đích nuôi dưỡng các Vang Rừng Thiêng, các nhu cầu sinh hoạt tinh thần của Làng và những hoạt động mang ý nghĩa văn hóa, xã hội, bảo vệ rừng và môi trường của Làng Vi Ô Lắc hướng tới phấn đấu trở thành ‘Làng Văn hóa’ mẫu mực của Huyện Kon Plông. Ngoài ra quỹ còn có ý nghĩa thực tế sau đây:

1. Tổ chức tập huấn phương pháp thu hái, gieo ươm giống cây thiêng quý hiếm bản địa, xây dựng các cụm vườn ươm tại bìa rừng, tại các cụm hộ gia đình để phục vụ trồng xen vào rừng để làm giàu rừng thiêng, rừng nguồn nước truyền thống của cộng đồng và rừng tái sinh;
2. Tôn tạo các không gian rừng có tiềm năng cho việc nghiên cứu văn hóa sinh thái phục vụ cho các cuộc chia sẻ và trao đổi kinh nghiệm quản lý rừng dựa vào các Nghi lễ và luật tục;
3. Quy hoạch các biển báo, bản đồ, sơ đồ các vùng rừng Thiêng cần bảo vệ nghiêm ngặt cho Làng và cho Quốc gia;
4. Các nhu cầu sinh hoạt tinh thần và văn hóa của Làng

II. Nguồn của Quỹ phát triển rừng cộng đồng làng Vi Ô Lắc

1. Gây dựng từ các tiền phạt các hành vi vi phạm qui chế qui định của Làng;
2. Từ nguồn chi trả công tác bảo vệ rừng
3. Quỹ đóng góp tự nguyện

III. Quản lý Quỹ phát triển rừng cộng đồng

1. Hội đồng Già làng duyệt các kế hoạch chi tiêu quỹ hàng tháng;
2. Tổ bảo vệ rừng lập kế hoạch chi tiêu gửi Hội đồng Già làng phê duyệt;

3. Chi hội Phụ nữ Làng Vi Ô Lắc chịu trách nhiệm quản lý quỹ và ghi chép thu chi theo kế hoạch hàng tháng được Tổ bảo vệ rừng đệ trình và Hội đồng Già làng phê duyệt;
4. Khi quỹ đạt đến 1000.000 đồng (một triệu đồng) thì cần phải mở tài khoản tiết kiệm hoặc tín dụng tại chi nhánh ngân hàng gần nhất;
5. Chi hội phụ nữ chịu trách nhiệm công khai sổ theo dõi quỹ một tháng một lần họp công khai cho tất cả làng cùng biết các khoản thu chi trong tháng đó để rút kinh nghiệm và cập nhật các khó khăn, thách thức trong tiến trình quản lý quỹ.

Quy chế này gồm có 14 trang (13 trang qui chế và 01 bản đồ) là hiệu lực pháp lý của làng Vi Ô Lắc, xã Pờ Ê, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum được toàn dân nhất trí thực hiện ./.

Đại diện các Chủ Hộ

Violak ngày 22 tháng 2 năm 2015

(Có danh sách kèm theo)

TM. CỘNG ĐỒNG LÀNG VI Ô LẮC

Đại diện Hội đồng Già Làng Trưởng thôn

(Đã ký)

(Đã ký)

Bí thư chi bộ

UBND Xã Pờ Ê

(Đã ký)

(Đã ký)

Sơ đồ ranh giới truyền thống làng Vi Ô Lắc
 xã Pờ Ê, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum

